TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST Ngày 28-06-2024 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi;

2. Ông Tô Văn Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 28 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 226/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/06/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1995; thường trú: Số nhà 178/9 Tổ 9A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Số 241/9, Tổ 9A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lương Hữu L, sinh năm 1991; thường trú: Số nhà 178/9 Tổ 9A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Số 241/9, Tổ 9A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/05/2024 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà T và ông L tự nguyện yêu nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 115, ngày 29/11/2019. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có sự chấp thuận của gia đình hai bên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc cho đến tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L nghi ngờ bà T có quan hệ tình cảm với người khác nên ghen tuông. Ông L thường lấy lý do đó để đánh đập, mắng chửi, xúc

phạm bà T và bố mẹ vợ. Vì vậy, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt, căng thẳng gây mệt mỏi cho nhau. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Lương Hữu L.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lương Lê Ngọc A, sinh ngày 07/02/2021. Bà Lê Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Lương Hữu L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai nộp cho Tòa án, bị đơn ông Lương Hữu L trình bày: Ông L và bà T tự nguyện yêu nhau, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 115, ngày 29/11/2019. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có sự chấp thuận của gia đình hai bên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian cho đến tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà T bỏ chồng con ở nhà để đi du lịch với người đàn ông khác. Sau khi sự việc xảy ra, ông L đã cho bà T có cơ hội thay đổi nhưng bà T không thay đổi nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Ông L xác định không còn tình cảm với bà T nhưng không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lương Lê Ngọc A, sinh ngày 07/02/2021. Ông L đồng ý với yêu cầu của bà T về việc bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông L không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 115, ngày 29/11/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn. Ông L thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà T không chung thủy dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng, ngột ngạt, không thể hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Bà T và ông L đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai người có nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm, không còn quan

tâm chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa Bà T và ông L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T đồng ý ly hôn, ông L không đồng ý ly hôn nhưng đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, bà T yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông L có 01 con chung tên Lương Lê Ngọc A, sinh ngày 07/02/2021. Khi giải quyết ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông L đồng ý để bà T trực tiếp nuôi con và không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Cháu A còn nhỏ nên cần được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Lương Hữu L về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Lương Hữu L. (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 115 do Ủy ban nhân dân phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/11/2019).

- Về con chung: Ông Lương Hữu L giao 01 người con chung tên Lương Lê Ngọc A, sinh ngày 07/02/2021 cho bà Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T không yêu cầu ông Lương Hữu L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà T và ông L đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông L lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà T nuôi con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Lê Thị T và ông Lương Hữu L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004942, ngày 05/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng